



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ
THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kết quả công tác soát xét	5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	6 - 34
<i>Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	6 - 9
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	10
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	11 - 12
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017</i>	13 - 33
Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi	34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công Ty Cổ phần Đầu Tư Phát Triển Xây Dựng Và Thương mại Việt Nam tiền thân là Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thương mại Việt Nam thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102032308 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 10 năm 2007. Sau khi chuyển đổi Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035143 ngày 23 tháng 02 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp; Giấy chứng nhận đăng ký thuế ngày 03 tháng 3 năm 2009 mã số thuế của Công ty là 0102382580. Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ, bổ sung thông tin về địa điểm kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 13 tháng 6 năm 2017.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 10: 208.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 30/06/2017: 208.000.000.000 VND

Tụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì , quận Hoàng Mai, tp Hà Nội
Điện thoại : 04.36447655
Email : mbg6868@gmail.com
Mã số thuế : 0 1 0 2 3 8 2 5 8 0

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng. Chi tiết: Sản xuất vật phóng điện, đèn nóng sáng, đèn huỳnh quang, đèn tia cực tím, đèn dùng hồng ngoại,... đèn, thiết bị phụ và bóng đèn; sản xuất đèn bàn (đồ chiếu sáng cố định);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết Bán buôn hoa và cây; mua bán các cây trồng phục vụ cho nội ngoại thất công trình; mua bán, xuất nhập khẩu hàng nông lâm sản;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ quặng uranium và thorium);
- Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu hàng lương thực, thực phẩm, thủy hải sản;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; bán buôn xi măng; bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; bán buôn kính xây dựng; bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; bán buôn đồ ngũ kim; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện tử); bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); bán buôn máy móc, trang thiết bị, dụng cụ, vật tư y tế (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) ./.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 34).

Sự kiện quan trọng trong kỳ kế toán

Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định số 010516/2016/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; theo đó Công ty sẽ phát hành thêm 12.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:3 để tăng vốn từ 80 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng và trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% vốn cổ phần, số tiền 8 tỷ đồng tương đương 800.000 cổ phiếu, tương đương 800.000 cổ phiếu; giá phát hành 10.000 VND/ICP. Đến ngày 16 tháng 5 năm 2017 công ty đã phát hành thành công, tăng vốn điều lệ lên 208 tỷ đồng.

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Huy Thành	Chủ tịch hội đồng quản trị	
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Ủy viên	
Ông Nguyễn Đức Thuận	Ủy viên	
Ông Dương Quang Đông	Ủy viên	
Bà Vương Bảo Yến	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Phạm Thành Trung	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 5 năm 2017

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	
Bà Phạm Tuyết Nhung	Trưởng ban kiểm soát	
Bà Nguyễn Thị Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Vũ Văn Tạo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Quyên	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Phạm Huy Thành	Tổng Giám đốc	
Bà Đặng Thị Tuyết Lan	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Dương Quang Đông	Phó Tổng Giám đốc	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng kỳ kế toán. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Phạm Huy Thành

Ngày 03 tháng 8 năm 2017



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 0507.01.01/2017/NVT2-BCTC
Ngày : 03 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam, được lập ngày 03 tháng 8 năm 2017 từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNTK số: 0053-2014-124-1

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		166.313.286.023	88.149.702.338
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.317.445.857	4.074.979.905
1. Tiền	111		11.317.445.857	4.074.979.905
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		134.331.671.259	64.225.267.446
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	47.706.696.416	63.300.488.351
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	86.827.599.483	1.080.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.182.852	48.586.587
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(203.807.492)	(203.807.492)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		20.393.053.471	19.755.226.003
1. Hàng tồn kho	141	V.5	20.393.053.471	19.755.226.003
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		271.115.436	94.228.984
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	66.953.294	57.349.330
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		204.162.142	36.879.654
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		62.602.815.986	57.865.778.952
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		24.388.198.164	5.464.932.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	24.388.198.164	5.464.932.928
<i>Nguyên giá</i>	222		27.942.961.118	7.978.041.454
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.554.762.954)	(2.513.108.526)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230			
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240			12.684.403.300
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	-	12.684.403.300
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9	37.500.000.000	37.500.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		36.000.000.000	36.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.500.000.000	1.500.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		714.617.822	2.216.442.724
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	714.617.822	2.216.442.724
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		228.916.102.009	146.015.481.290

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		8.971.603.545	47.168.391.740
I. Nợ ngắn hạn	310		8.763.791.045	46.960.579.240
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	6.301.350.322	39.698.548.414
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	464.030.355	1.065.855.392
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	155.412.152	1.817.432.096
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	45.000.000	15.120.122
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	1.565.625.000	4.131.250.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		232.373.216	232.373.216
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		207.812.500	207.812.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	207.812.500	207.812.500
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		219.944.498.464	98.847.089.550
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	219.944.498.464	98.847.089.550
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		208.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		208.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(83.600.000)	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		697.119.647	697.119.647
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.330.978.817	18.149.969.903
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.149.969.903	9.130.549.384
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.181.008.914	9.019.420.519
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		228.916.102.009	146.015.481.290

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích

Kế toán trưởng

Vũ Thị Vân Anh

Lập, ngày 03 tháng 8 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	151.876.285.871	154.632.179.158
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		151.876.285.871	154.632.179.158
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	147.814.671.457	144.316.639.829
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.061.614.414	10.315.539.329
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.361.742	46.049.013
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	46.043.142	214.069.697
Trong đó: chi phí lãi vay	23		46.043.142	214.069.697
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	581.174.670	577.232.474
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.957.492.201	1.552.667.035
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.482.266.143	8.017.619.136
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	5.000	64.656.456
13. Lợi nhuận khác	40		(5.000)	(64.656.456)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.482.261.143	7.952.962.680
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	301.252.229	1.609.122.536
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.181.008.914	6.343.840.144
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	100	721

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích

Kế toán trưởng

Vũ Thị Vân Anh

Lập, ngày 03 tháng 8 năm 2017



Phạm Huy Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.482.261.143	7.952.962.680
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.041.654.428	752.848.386
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.361.742)	(44.042.557)
- Chi phí lãi vay	06		46.043.142	214.069.697
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.564.596.971	8.875.838.206
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(69.545.634.665)	(41.318.035.344)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(637.827.468)	(5.920.529.376)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(34.094.095.251)	42.881.792.394
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.492.220.938	741.702.052
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(46.043.142)	(214.069.697)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.921.920.173)	(799.500.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102.188.702.790)	4.247.198.235
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(8.008.568.000)	(135.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	9.619.940
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	12.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(13.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.361.742	46.049.013
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(8.003.206.258)	(1.579.331.047)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		120.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.500.000.000	8.496.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(4.065.625.000)	(3.905.293.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		117.434.375.000	4.590.707.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.242.465.952	7.258.574.188
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	4.074.979.905	6.326.634.543
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.317.445.857	13.585.208.731

Lập, ngày 03 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bích

Kế toán trưởng

Vũ Thị Vân Anh

Tổng giám đốc
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
XÂY DỰNG VÀ
THƯƠNG MẠI
VIỆT NAM
HÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Phạm Huy Thành

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại, dịch vụ và lắp đặt thiết bị
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
 - Kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản, kim loại, vật liệu xây dựng;
 - Cung cấp lắp đặt thiết bị;
 - Cung cấp dịch vụ vận chuyên./.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Trong vòng 12 tháng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân quý và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	04 – 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

Theo quyết định số 090101/2017/QĐ-HĐQT của hội đồng quản trị ngày 09 tháng 01 năm 2017 về việc tạm trích lập các quỹ năm 2016. Tỷ lệ trích lập các quỹ như sau:

Trích lập các quỹ

Trích lập quỹ đầu tư phát triển

Trích lập dự phòng tài chính

Trích lập quỹ khen thưởng

Trích lập quỹ phúc lợi

Tỷ lệ trích lập

2% LNST

1% LNST

0,5% LNST

0,5% LNST

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Doanh thu thiết kế lắp đặt

Doanh thu lắp đặt được ghi nhận khi việc thi công lắp đặt đã hoàn thành xong, có biên bản bàn giao nghiệm thu kỹ thuật giữa hai bên.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

14. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

15. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	298.989.327	2.106.628.241
Tiền gửi ngân hàng	11.018.456.530	1.968.351.664
Cộng	<u>11.317.445.857</u>	<u>4.074.979.905</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>47.706.696.416</i>	<i>63.300.488.351</i>
Công ty Cổ Phần KOSY	13.478.819.550	23.906.555.530
Công ty cổ phần công nghệ Quốc Gia	10.285.462.868	14.311.347.676
Công ty cổ phần đầu tư everland	8.705.851.700	4.355.763.272
Các khách hàng khác	15.236.562.298	20.726.821.873
Cộng	<u>47.706.696.416</u>	<u>63.300.488.351</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	86.827.599.483	1.080.000.000
Công ty Cổ Phần Công Nghệ và Thiết Bị Truyền Thông	-	1.050.000.000
Công ty Cổ Phần Thương Mại và Đầu Tư EIG	27.676.997.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Hà Vĩnh	16.200.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng và thương mại kim khí Thành Hưng	27.479.435.124	-
Công ty TNHH xây dựng và thương mại kim khí Trường Thịnh	15.461.877.359	-
Các nhà cung cấp khác	9.290.000	30.000.000
Cộng	86.827.599.483	1.080.000.000

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	45.252.600
Tạm ứng - Kế toán trưởng	-	45.252.600
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.182.852	3.333.987
Tiền bảo hiểm xã hội nộp thừa	1.182.852	2.434.587
Phải thu về tiền thuế TNCN	-	899.400
Cộng	1.182.852	48.586.587

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.015.697.942	-	2.170.135.338	-
Thành phẩm	6.662.844.699	-	3.957.740.666	-
Hàng hóa	8.714.510.830	-	13.627.349.999	-
Cộng	20.393.053.471	-	19.755.226.003	-

6. Chi phí trả trước ngắn hạn

Tình hình biến động của chi phí trả trước ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>
	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	trong kỳ	trong kỳ	Số cuối kỳ
Công cụ dụng cụ	25.762.617	32.654.546	41.452.542	16.964.621	
Đồ dùng văn phòng	31.586.713	93.170.000	74.768.040	49.988.673	
Cộng	57.349.330	125.824.546	116.220.582	66.953.294	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	-	6.352.600.000	1.487.441.454	138.000.000	7.978.041.454
Mua trong kỳ	-	1.130.500.000	-	-	1.130.500.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	18.834.419.664	-	-	-	18.834.419.664
Số cuối kỳ	18.834.419.664	7.483.100.000	1.487.441.454	138.000.000	27.942.961.118
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	-	2.059.038.079	362.329.711	91.740.736	2.513.108.526
Tăng trong kỳ do khấu hao	313.906.994	586.188.090	111.416.490	30.142.854	1.041.654.428
Số cuối kỳ	313.906.994	2.645.226.169	473.746.201	121.883.590	3.554.762.954
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	4.293.561.921	1.125.111.743	46.259.264	5.464.932.928
Số cuối kỳ	18.520.512.670	4.837.873.831	1.013.695.253	16.116.410	24.388.198.164

Tài sản cố định hữu hình là xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu KIA SORENTO màu đen, BKS: 30A - 718.40 có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 869.000.000 VND và 654.670.035 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Đa.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí xây dựng nhà máy tại Hòa Bình

Tình hình biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	12.684.403.300	6.150.016.364	(18.834.419.664)	-
Chi phí xây dựng nhà máy tại Hòa Bình	12.684.403.300	6.150.016.364	(18.834.419.664)	-
Cộng	12.684.403.300	6.150.016.364	(18.834.419.664)	-

9. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	36.000.000.000	-	36.000.000.000	36.000.000.000	-	36.000.000.000
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam (1)	24.000.000.000	-	24.000.000.000	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và truyền thông (2)	12.000.000.000	-	12.000.000.000	12.000.000.000	-	12.000.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Công ty TNHH MBG Long An (3)	1.500.000.000	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Tổng	37.500.000.000	-	37.500.000.000	37.500.000.000	-	37.500.000.000

(1) Theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 02/HĐCNCP kí ngày 17 tháng 12 năm 2015 và Quyết định của Hội đồng quản trị số 13/QĐ ngày 24 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam số tiền 24.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 công ty đã góp đủ vốn.

(2) Theo Quyết định của Hội đồng quản trị số 67/QĐ - VN của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam ngày 30 tháng 3 năm 2015 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền thông số tiền 12.000.000.000 VND, tương đương 40% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 công ty đã góp đủ vốn.

(3) Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 2203/2016/NG-HĐQT của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng và Thương mại Việt Nam ngày 22 tháng 3 năm 2016 về việc góp vốn và chỉ định người quản lý phần vốn góp của công ty tại Công ty TNHH MBG Long An số tiền 1.500.000.000, tương đương 15% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 công ty đã góp đủ vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí trả trước dài hạn**

Tình hình biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí cải tạo văn phòng	2.118.902.049	515.785.000	1.967.231.667	667.455.382
Đồ dùng thiết bị văn phòng	39.697.804	-	21.941.938	17.755.866
Công cụ dụng cụ	57.842.871	-	28.436.297	29.406.574
Cộng	2.216.442.724	515.785.000	2.017.609.902	714.617.822

11. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	995.443.630
Công ty TNHH MBG Long An	-	995.443.630
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	6.301.350.322	38.703.104.784
Công ty TNHH thương mại vật tư khoa học kỹ thuật	-	8.964.000.000
Công ty TNHH xây dựng và thương mại kim khí Thành Hưng	-	18.662.558.029
Công ty TNHH xây dựng và thương mại kim khí trường thịnh	-	10.599.604.555
Công ty TNHH đầu tư thương mại Việt Thông	476.942.200	476.942.200
Công ty cổ phần EUROWINDOW	5.732.408.122	-
Các nhà cung cấp khác	92.000.000	-
Cộng	6.301.350.322	39.698.548.414

12. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	464.030.355	1.065.855.392
Công ty Cổ Phần xây Lắp Điện và Thương Mại An Dương	464.030.355	755.510.350
Công ty TNHH Sản Xuất Thương mại Cơ Điện HLE	-	243.487.542
Các khách hàng khác	-	66.857.500
Cộng	464.030.355	1.065.855.392

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.776.080.096	301.252.229	1.921.920.173	155.412.152
Thuế thu nhập cá nhân	41.352.000	-	41.352.000	-
Thuế môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	1.817.432.096	308.252.229	1.970.272.173	155.412.152

Thuế giá trị gia tăng

* Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Riêng nông sản(mặt hàng sản lát) mới qua sơ chế bán cho doanh nghiệp thương mại đơn vị không phải kê khai tính thuế, thiết bị y tế và một số mặt hàng chịu thuế suất 5%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	45.000.000	15.120.122
Kinh phí công đoàn	-	9.761.180
Thù lao HĐQT, BKS	45.000.000	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	5.358.942
Cộng	45.000.000	15.120.122

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.565.625.000	1.565.625.000	4.131.250.000	4.131.250.000
Vay dài hạn đến hạn trả	65.625.000	65.625.000	131.250.000	131.250.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đống Đa	65.625.000	65.625.000	131.250.000	131.250.000
Vay cá nhân khác	1.500.000.000	1.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Bà Phạm Thị Vinh(1)	1.500.000.000	1.500.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Cộng	1.565.625.000	1.565.625.000	4.131.250.000	4.131.250.000

(1) Là khoản vay bà Phạm Thị Vinh theo hợp đồng vay tiền số 05062017/HĐV-TMVN ngày 05/06/2017, mục đích vay dùng cho sản xuất kinh doanh, thời hạn vay từ ngày 05/06/2017 đến ngày 05/08/2017, lãi suất cho vay 7%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.000.000.000	1.500.000.000	4.000.000.000	1.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	131.250.000	-	65.625.000	65.625.000
Cộng	4.131.250.000	1.500.000.000	4.065.625.000	1.565.625.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay dài hạn Ngân hàng				
TMCP Sài Gòn Thương Tín	207.812.500	207.812.500	207.812.500	207.812.500
- chi nhánh Đống Đa (1)				

(1) Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số LD1519600004 ngày 15 tháng 7 năm 2015. Số tiền vay là 525.000.000 VNĐ. Mục đích vay là để tài trợ tiền mua xe ô tô. Lãi suất vay 6 tháng đầu là 7%/năm, sau đó điều chỉnh theo ngân hàng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Khoản vay được đảm bảo bằng xe ô tô 7 chỗ nhãn hiệu KIA SORENTO màu đen, BKS: 30A -718.40.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	65.625.000	131.250.000
Trên 1 năm đến 5 năm	207.812.500	207.812.500
Trên 5 năm	-	-
Cộng	273.437.500	339.062.500

17. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	80.000.000,000	-	415.259.943	9.130.459.384	89.545.719.327
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	9.395.323.458	9.395.323.458
Trích lập các quỹ	-	-	281.859.704	(375.812.939)	(93.953.235)
Số dư cuối năm trước	80.000.000.000	-	697.119.647	18.149.969.903	98.847.089.550
Số dư đầu năm nay	80.000.000.000	-	697.119.647	18.149.969.903	98.847.089.550
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	120.000.000.000	-	-	-	120.000.000.000
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	1.181.008.914	1.181.008.914
Chi phí phát hành cổ phiếu	-	(83.600.000)	-	-	(83.600.000)
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	8.000.000.000	-	-	(8.000.000.000)	-
Số dư cuối kỳ này	208.000.000.000	(83.600.000)	697.119.647	11.330.978.817	219.944.498.464

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
 Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.800.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.800.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.800.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.800.000	8.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.800.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động sản xuất thương mại	107.501.512.692	99.244.570.316
Doanh thu hoạt động thiết kế, thi công, cung cấp lắp đặt thiết bị	44.374.773.179	53.607.708.842
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	1.779.900.000
Cộng	<u>151.876.285.871</u>	<u>154.632.179.158</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động sản xuất thương mại	105.789.902.120	94.777.196.488
Giá vốn hoạt động thiết kế thi công, cung cấp lắp đặt thiết bị	42.024.769.337	47.823.752.741
Giá vốn cung cấp dịch vụ	-	1.715.690.600
Cộng	<u>147.814.671.457</u>	<u>144.316.639.829</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	5.361.742	3.382.346
Lãi tiền cho vay	-	42.666.667
Cộng	<u>5.361.742</u>	<u>46.049.013</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	46.043.142	214.069.697
Cộng	46.043.142	214.069.697

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	397.146.000	401.400.000
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	101.832.363	59.542.421
Chi phí khấu hao tài sản cố định	60.853.992	99.187.326
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.342.315	17.102.727
Chi phí bằng tiền khác	5.000.000	
Cộng	581.174.670	577.232.474

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	1.057.186.555	682.319.750
Chi phí đồ dùng văn phòng	300.166.239	402.813.907
Chi phí khấu hao tài sản cố định	77.312.496	75.744.396
Thuế, phí và lệ phí	33.369.527	8.557.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.416.566	215.058.853
Chi phí bằng tiền khác	108.040.818	168.173.129
Cộng	1.957.492.201	1.552.667.035

7. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Phạt chậm nộp thuế	5.000	90.000
Chi phí thanh lý TSCĐ	-	2.006.456
Tiền phạt thuế	-	62.560.000
Cộng	5.000	64.656.456

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, Quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành 6 tháng đầu năm 2017 được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.482.261.143	7.952.962.680
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.000.000	92.650.000
<i>Phạt vi phạm hành chính, nộp chậm thuế</i>		62.650.000
<i>Chi phí không được trừ</i>	-	30.000.000
<i>Thu lao hội đồng quản trị, ban kiểm soát không trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	24.000.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	1.506.261.143	8.045.612.680
Lỗi các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	1.506.261.143	8.045.612.680
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</i>	301.252.229	1.609.122.536
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	301.252.229	1.609.122.536

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.181.008.914	6.343.840.144
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.181.008.914	6.343.840.144
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.867.944	8.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	100	721

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	8.000.000	8.000.000
Ảnh hưởng do tăng vốn từ lợi nhuận sau thuế	800.000	800.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 9 tháng 5 năm 2017	9.673	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 16 tháng 5 năm 2017	3.058.272	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.867.944	8.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>
Chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp	54.765.050.250
Chi phí nhân công	3.477.265.555
Chi phí dụng cụ sản xuất	2.147.066.575
Chi phí khấu hao	1.041.654.428
Chi phí dịch vụ mua ngoài	579.871.280
Thuế phí lệ phí	33.369.527
Chi phí khác	113.040.818
Cộng	<u>62.157.318.433</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Kỳ này</u>
Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, ban kiểm soát	
Tiền lương, tiền thù lao	239.796.432
Kế toán trưởng	
Hoàn ứng	45.252.600

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.4

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Phát Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần MBG Công nghệ và Truyền Thông	Công ty liên kết
Công ty TNHH MBG Long An	Công ty góp vốn

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Công ty TNHH MBG Long An	
Phải trả tiền thi công công trình nhà xưởng hoàn thành	6.765.018.000
- Giá chưa thuế	6.150.016.364
- Thuế GTGT đầu vào	615.001.636
Thanh toán tiền	7.760.461.630

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.11.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Sự kiện quan trọng trong kỳ kế toán**

Theo Nghị quyết số 01/2016/NQ/ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016 của Đại hội đồng cổ đông và Quyết định số 010516/2016/QĐ-HĐQT ngày 05 tháng 5 năm 2016 của Hội đồng quản trị thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu; theo đó Công ty sẽ phát hành thêm 12.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:3 để tăng vốn từ 80 tỷ đồng lên 200 tỷ đồng và trả cổ tức bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 10% vốn cổ phần, số tiền 8 tỷ đồng tương đương 800.000 cổ phiếu; giá phát hành 10.000 VND/1CP. Đến ngày 16 tháng 5 năm 2017, công ty đã phát hành thành công tăng vốn điều lệ lên 208 tỷ đồng.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất thương mại;
- Lĩnh vực thiết kế, thi công lắp đặt máy móc thiết bị;
- Lĩnh vực dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất thương mại	Lĩnh vực thiết kế, thi công lắp đặt máy móc	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	107.501.512.692	44.374.773.179	151.876.285.871
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.501.512.692	44.374.773.179	151.876.285.871
Chi phí bộ phận	(105.789.902.120)	(42.024.769.337)	(147.814.671.457)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	1.711.610.572	2.350.003.842	4.061.614.414
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(2.538.666.871)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			1.522.947.543
Doanh thu hoạt động tài chính			5.361.742
Chi phí tài chính			(46.043.142)
Thu nhập khác			(5.000)
Chi phí khác			(301.252.229)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			1.181.008.914
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			7.796.301.364
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác			3.059.264.330
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM
 Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực Sản xuất, thương mại	Lĩnh vực thiết kế, thi công lắp đặt máy móc	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	153.784.232.368	10.285.462.868	-	164.069.695.236
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	64.846.406.773
Tổng tài sản				228.916.102.009
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	1.032.972.555	5.732.408.122	-	6.765.380.677
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	2.206.222.868
Tổng nợ phải trả				8.971.603.545
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	72.364.948.078	23.229.545.984	-	95.594.494.062
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	50.420.987.228
Tổng tài sản				146.015.481.290
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	31.800.403.806	8.964.000.000	-	40.764.403.806
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	6.403.987.934
Tổng nợ phải trả				47.168.391.740

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.317.445.857	4.074.979.905	11.317.445.857	4.074.979.905
Phải thu khách hàng	47.502.888.924	63.096.680.859	47.502.888.924	63.096.680.859
Các khoản phải thu khác	1.182.852	48.586.587	1.182.852	48.586.587
Cộng	58.821.517.633	67.220.247.351	58.821.517.633	67.220.247.351
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	1.773.437.500	4.339.062.500	1.773.437.500	4.339.062.500
Phải trả cho người bán	6.301.350.322	39.698.548.414	6.301.350.322	39.698.548.414
Các khoản phải trả khác	45.000.000	15.120.122	45.000.000	15.120.122
Cộng	8.119.787.822	44.052.731.036	8.119.787.822	44.052.731.036

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị còn lại</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối kỳ		
Phương tiện vận tải	654.670.035	Đảm bảo để vay tiền tài trợ mua xe ô tô
Cộng	654.670.035	

6. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

7. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	1.565.625.000	207.812.500	-	1.773.437.500
Phải trả người bán	6.301.350.322	-	-	6.301.350.322
Các khoản phải trả khác	45.000.000	-	-	45.000.000
Cộng	7.911.975.322	207.812.500	-	8.119.787.822
Số đầu năm				
Vay và nợ	4.131.250.000	207.812.500	-	4.339.062.500
Phải trả người bán	39.698.548.414	-	-	39.698.548.414
Các khoản phải trả khác	15.120.122	-	-	15.120.122
Cộng	43.844.918.536	207.812.500	-	44.052.731.036

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

8. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

9. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá Thăng Long T.D.K.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này.

Chi tiêu “Lãi cơ bản trên cổ phiếu” được điều chỉnh lại như sau (xem thuyết minh VI.9):

<i>Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ</i>	Số liệu theo Báo cáo tài chính giữa niên độ		Số liệu điều chỉnh lại
	Mã số	đã soát xét năm trước	
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	793	721

Lập ngày 03 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bích

Vũ Thị Vân Anh

Phạm Huy Thành

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

Số 906 Nguyễn Khoái, tổ 10, phường Thanh Trì, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công Ty CP Thế Giới Số Trần Anh	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	61.283.500	30.641.750	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	61.283.500	30.641.750
Công ty TNHH Bất Động Sản Xuân Cầu	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	247.379.631	173.165.742	Từ 1 năm đến dưới 2 năm	247.379.631	173.165.742
Cộng		308.663.131	203.807.492		308.663.131	203.807.492